UBND TỈNH GIA LAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 28 tháng 10 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
Sở Tư pháp tại Công văn số 3670/STP-NV1 ngày 17/10/2026	I**. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết Tại dự thảo Tờ trình**. Quý Sở căn cứ Điều 31 Luật Ngân sách Nhà nước, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước cấp tỉnh và quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP để trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng đối với đối tượng được chăm sóc tại Làng trẻ em SOS và đối tượng được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, qua rà soát, Sở Tư pháp nhận thấy tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội quy định: "3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này; b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội." Theo quy định nêu trên, HĐND	Sở Y tế tiếp thu ý kiến góp ý, giải trình và chỉnh sửa dự thảo như sau: - Tên gọi nghị quyết: Vì trên địa bàn tỉnh đang có 02 làng trẻ em SOS. Tuy nhiên, theo phương án số 08/PA-UBND đến ngày 1/1/2027 thì chỉ còn 01 Làng trẻ em SOS Quy Nhơn và Làng trẻ em SOS Quy Nhơn cũng đang trong kế hoạch sắp xếp chuyển giao. Vì vậy, tên dự thảo Nghị quyết không dùng tên gọi riêng mà sử dụng tên gọi chung. Cụ thể: *"Quy định chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng đối với đối tượng được chăm sóc tại làng trẻ em SOS và đối tượng được chuyển giao từ các làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai*" - Phạm vi, đối tượng áp dụng, Nghị quyết có 2 nhóm đối tượng cần quy định. Cụ thể: 1. Đối với trẻ em, thanh niên tại làng trẻ em SOS. Phạm vi, đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này là quy định đối tượng khó khăn

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	tỉnh quyết định chính sách trợ giúp xã hội trong 02 trường hợp: Quy định mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP; đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. Vì vậy, việc đề xuất chính sách riêng đối với các đối tượng được chăm sóc tại Làng trẻ em SOS và các đối tượng được chuyển giao về cơ sở trợ giúp xã hội công lập cần xác định rõ thuộc trường hợp nào. Bên cạnh đó, tại Phương án số 08/PA-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh thể hiện: "1. Đối với Làng trẻ em SOS Pleiku. 1.1. Giai đoạn từ khi tiếp nhận đến hết 31/12/2026: Làng trẻ em SOS Pleiku tiếp tục được giữ nguyên tên gọi, tổ chức bộ máy, nhân sự, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính và tổ chức hoạt động, vận hành theo cơ chế như trước bàn giao dưới sự quản lý trực tiếp của Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku. … 1.2. Giai đoạn từ 01/01/2027: Sáp nhập Làng trẻ em SOS Pleiku vào Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku. a) Tên gọi, loại hình: … Loại hình: Đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, trực thuộc Sở Y tế tỉnh Gia Lai". Ngoài ra, hiện nay trên địa bàn tỉnh còn "Làng trẻ em SOS Quy Nhơn", tuy nhiên tại Phương án số 08/PA-UBND không đề cập đến tổ chức, sắp xếp lại Làng trẻ em SOS Quy Nhơn. Từ các căn cứ và nội dung nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết chưa làm rõ căn cứ pháp lý và cơ sở xác định các nhóm đối tượng được hưởng chính sách. Do đó, đề nghị Quý Sở rà soát, xác định chính xác đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng chế độ theo quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và đối tượng được đề xuất hưởng chính sách hỗ trợ riêng của tỉnh tại Nghị quyết này. Trên cơ sở đó, đề nghị Quý Sở làm rõ phạm vi, đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này là quy định việc hỗ trợ cho đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP được hưởng chính sách trợ giúp xã hội hay quy định mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh cao hơn mức	khác và mức hỗ trợ chưa quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. Lý do: làng trẻ em SOS thuộc hệ thống Làng trẻ em SOS Việt Nam nên không áp dụng chính sách theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP như cơ sở trợ giúp công lập. 2. Trẻ em, thanh niên của làng trẻ em SOS chuyển về chăm sóc tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Phạm vi, đối tượng áp dụng tại Nghị quyết này là quy định việc hỗ trợ cho đối tượng khó khăn khác. Chỉnh lại đối tượng áp dụng của dự thảo nghị quyết tại điểm b khoản 1 Điều 2 như sau: "b) Đối tượng từ các làng trẻ em SOS chuyển về các cơ sở trợ giúp xã hội công lập mà không thuộc đối tượng được hưởng các chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội quy định tại Điều 21, Điều 23 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội".

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định 335/2026/NĐ-CP làm cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền quyết định	
	II. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản 1. Đối với dự thảo văn bản a) Đề nghị bỏ đường kẻ ngang bên dưới tên gọi của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp. b) Tại điểm a, b khoản 1 Điều 2, đề nghị bỏ cụm từ "Gia Lai", vì đã được quy định tại phạm vi điều chỉnh. c) Tại Điều 3 - Tại khoản 1, đề nghị chỉnh sửa nội dung tại các gạch (-) đầu dòng thành các điểm cho phù hợp với bố cục trình bày văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời, chỉnh sửa "Nghị định số 335/2026/NĐ-CP" thành "Nghị định số 335/2026/NĐ-CP quy định chính sách trợ giúp xã hội" cho phù hợp kỹ thuật viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật. - Tại khoản 2, dự thảo Nghị quyết viện dẫn Điều 22, Điều 23 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP để quy định chính sách đối với các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai sau khi được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS. Tuy nhiên, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP chỉ quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh quyết định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức quy định tại Nghị định và chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng khó khăn khác chưa được quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP; không quy định thẩm quyền ban hành chính sách riêng đối với các đối tượng đã thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 22, Điều 23. Do đó, đề nghị Quý Sở làm rõ căn cứ pháp lý quy định tại khoản này, bảo đảm phù hợp với phạm vi thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. d) Tại khoản 2 Điều 6, đề nghị chỉnh sửa "2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn	Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo, thẩm quyền tại khoản 2 Điều 3 dự thảo đã điều chỉnh

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế" thành "2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế". đ) Tại phần nơi nhận, đề nghị chỉnh sửa "Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai" thành "Báo và Phát thanh, Truyền hình Gia Lai".	
	2. Về trình tự, thủ tục xây dựng dự thảo văn bản a) Về đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh: Hồ sơ gửi lấy ý kiến không có thông tin về việc lập danh mục quy định chi tiết hoặc đăng ký xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Mục 1 Chương IV Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Do đó, đề nghị Quý Sở cung cấp, bổ sung cho đầy đủ. b) Về thành phần hồ sơ Đề nghị hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại Điều 2, Điều 3, khoản 1, 3 Điều 44 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP). Trong đó, lưu ý hoàn thiện một số nội dung sau: - Tại dự thảo Tờ trình chưa xác định việc xây dựng Nghị quyết thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành VBQPPL, do đó, đề nghị Quý Sở bổ sung cho đầy đủ, rõ ràng; đồng thời, chỉnh sửa trích yếu nội dung dự thảo Tờ trình theo đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. - Đối với bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết: Đề nghị hoàn thiện nội dung theo đúng Mẫu số 12 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện dự thảo Tờ trình
Sở Tài chính tại Công văn số 10852/STC-TCHCSN ngày	**1. Về đối tượng áp dụng tại Điều 2 Dự thảo Nghị quyết** Tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội quy định: *"3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban*	- Nội dung phạm vi đối tượng; xác định cụ thể tiêu chí hoàn cảnh khó khăn, điều kiện tiếp nhận và chăm sóc, độ tuổi, tình trạng học tập, thời gian hưởng, trường hợp ngừng hưởng. Sở

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
21/10/2026	*nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định: b)* ***Đối tượng khó khăn khác chưa*** *quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.".* Căn cứ quy định trên, Sở Tài chính đề nghị Sở Y tế rà soát, xác định cụ thể: (i) đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng chế độ theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP; (ii) đối tượng khó khăn khác đề xuất hưởng chính sách đặc thù của tỉnh theo điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định này. Đối với nhóm thứ hai, cần xác định cụ thể tiêu chí hoàn cảnh khó khăn, điều kiện tiếp nhận và chăm sóc, độ tuổi, tình trạng học tập, thời gian hưởng, trường hợp ngừng hưởng để bảo đảm thực hiện thống nhất, có cơ sở lập dự toán.	Y tế đã giải trình nội dung này theo góp ý của Sở Tư pháp theo hướng thống nhất tiếp thu, hoàn thiện dự thảo.
	2. Về chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại khoản 1 Điều 3 Dự thảo Nghị quyết "Điều 3. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng 1. Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng như sau: - Được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 và khoản 7 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. - Hỗ trợ chi phí sử dụng điện theo mức tiêu thụ tối đa 60 kWh/đối tượng/tháng; nước sạch tối đa 02 m^3/đối tượng/tháng và hỗ trợ chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt theo mức 02 kg/đối tượng/tháng. - Hỗ trợ học phí và chi phí sử dụng phương tiện giao thông công cộng cho 01 lượt đi, 01 lượt về trong mỗi đợt nghỉ Tết Nguyên đán và nghỉ hè hằng năm đối với đối tượng đang học giáo dục nghề nghiệp hoặc giáo dục đại học văn bằng thứ nhất tại cơ sở giáo dục trong nước, trong thời gian theo học cho đến khi kết thúc khóa học; không áp dụng hỗ trợ học phí đối với trường hợp học tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài" Báo cáo số 569/BC-SYT và dự thảo Tờ trình kèm theo Công văn số 8491/SYTBTXH&TE thể hiện Làng trẻ em SOS Quy Nhơn đang được bảo đảm kinh phí từ Làng trẻ em SOS Việt Nam, các nguồn tài trợ và	Sở Y tế tiếp thu, giải trình và chỉnh sửa dự thảo, cụ thể: 1. Nội dung: "Được hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 và khoản 7 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP". Sở Y tế giữ nguyên, vì nguồn kinh phí SOS Quy Nhơn phụ thuộc lớn vào nguồn viện trợ. Nội dung đề nghị hỗ trợ chủ yếu để đáp ứng nhu cầu về ăn, vật dụng cá nhân, khám bệnh cho trẻ em, thanh niên. Trong đó, nội dung khoản 2, khoản 6, khoản 7 không được Làng trẻ em SOS Việt Nam hỗ trợ. 2. Nội dung: chi phí sử dụng điện, nước sạch điều chỉnh dự thảo: "Hỗ trợ 70% chi phí về điện, nước sinh hoạt với mức tiêu thụ điện tối đa 60 kWh/đối tượng/tháng; mức nước sinh hoạt tối đa 02 m^3/đối tượng/tháng" 3. Nội dung hỗ trợ học phí và chi phí đi lại

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	ngân sách tỉnh. Do đó, Sở Tài chính đề nghị Sở Y tế rà soát, xác định rõ phần kinh phí từng nguồn đã bảo đảm theo các chế độ chi, đối tượng và thời gian; trên cơ sở đó, xác định những nội dung thực sự cần thiết để đề xuất chính sách hỗ trợ bổ sung từ ngân sách nhà nước, bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tế của đối tượng, tránh trùng lặp nội dung hỗ trợ.	cho trẻ em giữ nguyên. Lý do: Đây là nhu cầu cần thiết góp phần duy trì việc học, hạn chế gián đoạn trong việc học, tạo cơ hội để mọi trẻ em có thể học tập và phát triển, tạo điều kiện các em đi về duy trì quan hệ gia đình, cộng đồng, tiếp tục học tập.
	3. Về dự kiến khi thực hiện nghị quyết - Tại dự thảo Tờ trình, Sở Y tế tổng hợp số liệu đối tượng chăm sóc, kinh phí cụ thể: Số lượng đối tượng chăm sóc nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS Quy Nhơn 106 trẻ em, thanh niên và Làng trẻ em SOS Pleiku 89 trẻ em, thanh niên. Trong đó có 72 trẻ em, thanh niên thuộc đối tượng quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và 123 trẻ em, thanh niên có hoàn cảnh khó khăn. Dự kiến kinh phí khi thực hiện Nghị quyết, cụ thể: - Kinh phí Làng trẻ em SOS Quy Nhơn: Kinh phí hiện tại đề xuất so với kinh phí bố trí năm 2026 tăng 401 triệu đồng/năm (năm 2026 là 4,443 tỷ đồng; dự thảo nghị quyết 4,844 tỷ đồng= 45,7 triệu đồng/trẻ em/năm x 106 trẻ em). - Kinh phí trẻ em tại Làng trẻ em SOS Pleiku chuyển vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập: Kinh phí hiện tại đề xuất so với kinh phí bố trí năm 2026 tăng 644 triệu đồng/năm (năm 2026 là 4,660 tỷ đồng; dự thảo nghị quyết 5,304 tỷ đồng = 59,6 triệu đồng/trẻ em/năm x 89 trẻ em). **Ý kiến góp ý**: Đề nghị Sở Y tế xác định cụ thể đối tượng áp dụng và các chế độ, chính sách được hưởng theo dự thảo Nghị quyết, tính toán và thuyết minh mức hỗ trợ, nhu cầu kinh phí thực hiện theo số lượng thực tế có mặt tại Làng trẻ em SOS Quy Nhơn và Làng trẻ em SOS Pleiku khi được chuyển giao cơ sở trợ giúp xã hội công lập; tách rõ (i)	Sở Y tế giải trình như sau: - Cơ sở lập dự toán. Căn cứ mức quy định tại Nghị định số 335/2026/NĐ-CP và 53 trẻ em, thanh niên không thuộc đối tượng tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp của Làng trẻ em SOS Pleiku được chuyển giao về Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku, Sở Y tế dự kiến kinh phí hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng cho 01 trẻ em, thanh niên. - Đánh giá biến động số đối tượng: + Đối với làng trẻ em SOS: Dự thảo quy định đối tượng đang được chăm sóc và hỗ trợ cho đến khi kết thúc học theo quy định của pháp luật về giáo dục. Như vậy, trường hợp trẻ em, thanh niên xin rời làng hoặc trẻ em, thanh niên kết thúc học thì không được hỗ trợ. + Đối với nhóm đối tượng được đề xuất hưởng chính sách tại Nghị quyết này, cơ sở trợ giúp công lập chỉ nhận trẻ em từ làng trẻ em SOS chuyển vào không tiếp nhận trẻ em mới không theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành; (ii) kinh phí tăng thêm do chính sách đặc thù; (iii) phần đã được hỗ trợ từ Làng trẻ em SOS Việt Nam, tài trợ và nguồn hợp pháp khác; (iv) kinh phí ngân sách địa phương thực tế cần bố trí. Đồng thời, đánh giá biến động số đối tượng và nhu cầu kinh phí các năm tiếp theo, làm rõ nguồn bảo đảm và khả năng cân đối ngân sách, phù hợp khoản 2 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP.	+ Kinh phí dự kiến thực hiện Nghị quyết tăng so với năm 2026 do áp dụng mức tăng mới theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. + Như vậy, đối tượng chăm sóc sẽ giảm dần theo từng năm. Nhu cầu kinh phí hằng năm được tính theo số người thực tế, nhân với mức hỗ trợ. Kinh phí tăng giảm phụ thuộc vào mức chăm sóc, nuôi dưỡng của Chính phủ.
Sở Khoa học và Công nghệ, Công văn số 4394/SKHCN-VP ngày 23/10/2026	1. Tại gạch đầu dòng thứ hai thuộc phần III của dự thảo Tờ trình, đề nghị viết lại nội dung như sau: "- Tổ chức soạn thảo, họp Tổ soạn thảo ngày ……, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết." để thống nhất với tên loại văn bản đang được dự thảo là Nghị quyết. 2. Lược bỏ bớt một cụm từ "trình HĐND" tại phần nội dung cuối cùng thuộc tiết 1 Phần I của dự thảo Tờ trình để tránh sự trùng lặp. 3. Tại tiết 3 Phần IV của dự thảo Tờ trình đang thể hiện cấu trúc của Nghị quyết gồm 4 điều. Đề nghị điều chỉnh lại thành 6 điều để thống nhất với nội dung mô tả sau đó cũng như đúng với bố cục thực tế của dự thảo Nghị quyết. 4. Đề nghị xác thực và thống nhất tên gọi chính thức của đơn vị tiếp nhận là Trung tâm Bảo trợ tổng hợp Pleiku hay là Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku trong Công văn số 8491/BTXH&TE ngày 15/10/2026, Báo cáo số 569/BC-SYT ngày 14/10/2026 của Sở Y tế và tại dự thảo Tờ trình để tránh cách hiểu có nhiều hơn 01 chủ thể tiếp nhận. 5. Đề nghị rà soát, thống nhất lại đơn vị tính của kinh phí tại tiết 3 Phần II của Báo cáo số 569/BC-SYT ngày 14/10/2026 của Sở Y tế (đơn vị tính là triệu đồng) với đơn vị tính của kinh phí tại tiết 3 Phần II của dự thảo Tờ trình (đơn vị 2 tính là tỷ đồng) để tránh bị hiểu chưa	Sở Y tế tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Tờ trình, rà soát thống nhất số liệu và chỉnh nơi nhận của dự thảo Nghị quyết

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	đúng về quy mô kinh phí thực hiện. 6. Tại dự thảo Nghị quyết, phần nơi nhận có chủ thể nhận văn bản là "- Như Điều 6". Tuy nhiên nội dung Điều 6 của dự thảo Nghị quyết lại quy định về điều khoản thi hành. Đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh viện dẫn nội bộ của chủ thể nhận văn bản để đảm bảo tính hợp lý	
Xã Ia Pa, Công văn số 3554/UBND-VHXH ngày 18/10/2026	1. Về đối tượng áp dụng và điều kiện hưởng chính sách (Điều 2) Nêu rõ hơn về điều kiện xác định đối tượng, hồ sơ chứng minh quá trình học tập liên tục và thời điểm chấm dứt hưởng chính sách đối với người đủ 16 tuổi đang theo học các chương trình giáo dục quy định tại khoản 1 Điều 2. Đồng thời, cần quy định rõ việc tiếp tục hưởng chính sách trong các trường hợp chuyển cấp, chuyển trường, tạm dừng học, bảo lưu kết quả học tập hoặc chuyển từ Làng trẻ em SOS sang cơ sở trợ giúp xã hội công lập, bảo đảm thống nhất trong quá trình xác định đối tượng và giải quyết chế độ.	Sở Y tế tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo, cụ thể: Bổ sung thêm nội dung: "….cho đến khi kết thúc học…" vào khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết. Đảm bảo đúng quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP.
	2. Về chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng và các khoản hỗ trợ bổ sung (Điều 3) Bổ sung cụ thể mức hỗ trợ học phí, phạm vi các khoản chi được hỗ trợ, hồ sơ thanh toán và nguyên tắc xử lý đối với trường hợp đối tượng đã được hưởng chính sách miễn, giảm học phí hoặc hỗ trợ từ nguồn kinh phí khác. Đối với hỗ trợ chi phí điện, nước sạch, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt, cần quy định cụ thể căn cứ xác định mức hỗ trợ thực tế, phương thức thanh toán và cách tính khi đối tượng tăng, giảm hoặc chuyển nơi chăm sóc, nuôi dưỡng trong tháng; bảo đảm việc thực hiện chính sách công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp chế độ và phù hợp với chi phí thực tế phát sinh	Sở Y tế tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo, cụ thể: - Nội dung hỗ trợ chi phí học tập. Viết lại như sau: c) Hỗ trợ 100% mức học phí thực tế phải đóng cho các đối tượng đang theo học giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học (trừ trường hợp học tại các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài hoặc chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài). - Chi phí điện, nước sạch theo định mức căn cứ theo Thông tư số 02/2018/TT-BLĐTBXH

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
		và thực tế hỗ trợ trong năm
	3. Về kinh phí và trách nhiệm tổ chức thực hiện (Điều 4, Điều 5) Bổ sung về trách nhiệm của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và các cơ sở trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trong việc lập dự toán, tổng hợp nhu cầu, phân bổ, thanh toán, quyết toán kinh phí và quản lý hồ sơ đối tượng. Đồng thời, cần xác định rõ trách nhiệm phối hợp của UBND cấp xã trong việc rà soát, xác nhận thông tin thuộc phạm vi quản lý khi có yêu cầu, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và phân cấp quản lý hiện hành; có phương án bố trí kinh phí kịp thời, nhất là đối với các trường hợp phát sinh chuyển giao hoặc thay đổi số lượng đối tượng trong năm ngân sách	Nội dung này Sở Y tế không tiếp thu. Lý do: Việc quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội áp dụng theo quy định hiện hành.
Phường Thống Nhất, Công văn 3659/UBND ngày 21/10/2026	1. Tại phần căn cứ ban hành Nghị quyết, đề nghị rà soát, bổ sung văn bản làm căn cứ pháp lý trực tiếp cho việc ban hành chính sách cụ thể "Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;" vì Nghị định 78/2025/NĐ-CP là văn bản quy định trực tiếp về trình tự xây dựng, thẩm định, hồ sơ và trình tự ban hành nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh	Nội dung này Sở Y tế không tiếp thu. Lý do: Đã căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15
	2. Theo khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành VBQPPL, HĐND cấp tỉnh được ban hành nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật và các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, chính sách đặc thù phù hợp điều kiện địa phương. Do đó, đề nghị bổ sung trong Tờ trình và Báo cáo thuyết minh nội dung xác định rõ Nghị quyết được ban hành theo điểm b và/hoặc điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành VBQPPL, đồng thời làm rõ đây là chính sách địa phương nhằm bảo đảm quyền lợi của nhóm trẻ em, thanh niên đang được chăm sóc tại Làng trẻ em SOS trong quá trình sắp xếp, chuyển giao.	Sở Y tế tiếp thu, xác định cụ thể việc xây dựng Nghị quyết thuộc điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành VBQPPL. Cụ thể: Chỉ quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, không quy định lại các nội dung đã được quy định tại văn bản Luật, Nghị định liên quan.

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	3. Tại Điều 1, đề nghị chỉnh sửa nội dung "Nghị quyết này quy định chính sách chăm sóc, nuôi dưỡng đối với đối tượng được chăm sóc tại Làng trẻ em SOS và đối tượng được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai" thành "Nghị quyết này quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng và kinh phí thực hiện chính sách đối với đối tượng được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đối tượng được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập trên địa bàn tỉnh Gia Lai." nhằm đảm bảo rõ ràng về phạm vi chính sách bao gồm cả mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, phương thức thực hiện và nguồn kinh phí.	Nội dung này Sở Y tế không tiếp thu. Lý do: Cách quy định phạm vi điều chỉnh hiện tại đã đầy đủ chính sách hỗ trợ cho làng trẻ em SOS và trẻ em, thanh niên được chuyển giao vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập
	4. Tại khoản 1 Điều 2, đề nghị chỉnh sửa đối tượng áp dụng "Trẻ em và người đủ 16 tuổi nhưng đang học..." thành "Trẻ em và người từ đủ 16 tuổi trở lên đang học..." nhằm bảo đảm cách diễn đạt rõ ràng, thống nhất về độ tuổi và tránh cách hiểu người đủ 16 tuổi chỉ bao gồm đúng trường hợp 16 tuổi	Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại khoản 1 Điều 2
	5. Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết - Tại gạch đầu dòng thứ nhất, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ cơ sở pháp lý và tư cách pháp lý của Làng trẻ em SOS Pleiku sau khi thực hiện phương án sắp xếp, tổ chức lại theo Quyết định số 735/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; trên cơ sở đó xác định chính xác căn cứ và phạm vi áp dụng các chế độ quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP đối với đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS Pleiku. Việc xác định rõ Làng trẻ em SOS Pleiku là đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở trợ giúp xã hội công lập hay loại hình tổ chức khác có ý nghĩa trực tiếp đến căn cứ pháp lý áp dụng chế độ, cơ chế bảo đảm và cấp kinh phí, cũng như trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ sự	Nội dung này Sở Y tế giải thích như sau: Theo phương án 08/PA-UBND của UBND tỉnh thì ngày 1/1/2027 Làng trẻ em SOS Pleiku được chuyển giao nguyên trạng về Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp Pleiku. Theo đó, đề xuất chính sách hỗ trợ cho trẻ em, thanh niên không thuộc diện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp theo Nghị định số 335/2026/NĐ-CP được hưởng chính sách như trẻ em tại cơ sở trợ giúp xã hội.

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	phù hợp giữa đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại Làng trẻ em SOS với đối tượng, cơ sở và cơ chế thực hiện chính sách được quy định tại Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. Trường hợp áp dụng các chế độ theo quy định của Nghị định số 335/2026/NĐ-CP thì cần xác định rõ căn cứ để Làng trẻ em SOS thuộc phạm vi cơ sở trợ giúp xã hội theo quy định của pháp luật	
	Tại gạch đầu dòng thứ ba, đề nghị bổ sung quy định để tránh trùng lặp chính sách hỗ trợ học phí, cụ thể: "Trường hợp đối tượng thuộc diện được miễn, giảm hoặc hỗ trợ học phí theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo chính sách của Nhà nước; ngân sách tỉnh chỉ hỗ trợ phần chi phí học tập thuộc phạm vi chính sách của Nghị quyết này mà đối tượng còn phải tự chi trả." Đồng thời, đối với nội dung hỗ trợ chi phí sử dụng phương tiện giao thông công cộng, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ nơi đi, nơi đến; loại phương tiện được hỗ trợ; mức hỗ trợ hoặc căn cứ xác định mức hỗ trợ; phương thức thanh toán và trường hợp không có phương tiện giao thông công cộng để bảo đảm có cơ sở thực hiện, kiểm tra và quyết toán kinh phí. - Về kỹ thuật trình bày, đề nghị rà soát, chuyển các nội dung đang trình bày dưới dạng các gạch đầu dòng tại khoản 1 Điều 3 thành các điểm a), b), c) nhằm bảo đảm thống nhất về bố cục và phù hợp với kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời thuận lợi cho việc viện dẫn, áp dụng và kiểm tra từng chính sách cụ thể.	Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện dự thảo quy định các điểm cụ thể
Xã Mang Yang, Công văn số 2090/UBND-VHXH ngày 25/10/2026	1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: cần làm rõ điều kiện, tiêu chí xác định đối tượng được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập; thời điểm xác định đối tượng được hưởng chính sách; trách nhiệm lập, quản lý, cập nhật hồ sơ và xác nhận đối tượng của cơ quan, đơn vị có liên quan. Đối với các trường hợp trẻ em, thanh thiếu niên đã được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực thi hành, đề	Nội dung quy định rõ điều kiện, tiêu chí xác định đối tượng được chuyển giao từ Làng trẻ em SOS về cơ sở trợ giúp xã hội công lập, Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để phân biệt rõ đối tượng thuộc diện tiếp nhận và không thuộc diện tiếp nhận vào cơ sở trợ giúp.

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
	nghị nghiên cứu quy định cụ thể về việc tiếp tục được hưởng chính sách nhằm bảo đảm quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đối tượng, không để xảy ra gián đoạn trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng	Các nội dung còn lại xã tham gia đã cụ thể tại Phương án số 08/PA-UBND.
	2. Về nguồn kinh phí thực hiện chính sách. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ nguồn kinh phí thực hiện, trách nhiệm bảo đảm kinh phí của ngân sách tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; đồng thời đánh giá đầy đủ tác động ngân sách của việc thực hiện Nghị quyết, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương. Việc quy định cụ thể nguồn kinh phí, cơ chế phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí sẽ tạo thuận lợi cho các cơ sở trợ giúp xã hội trong quá trình lập dự toán, tổ chức thực hiện và thanh quyết toán kinh phí theo quy định	Nội dung này Sở Y tế tiếp thu hoàn thiện Điều 4 dự thảo nghị quyết
	3. Về tổ chức thực hiện Đề nghị dự thảo Nghị quyết quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện chính sách, nhất là trách nhiệm của Sở Y tế, các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và chính quyền địa phương nơi có đối tượng cư trú hoặc có liên quan đến quá trình tiếp nhận, chuyển giao đối tượng. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục lập hồ sơ, xác định đối tượng, thực hiện chế độ hỗ trợ, quản lý hồ sơ và phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị nhằm bảo đảm việc triển khai chính sách được thực hiện thống nhất, công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng chế độ. Đối với cấp xã, đề nghị xác định rõ trách nhiệm phối hợp trong việc rà soát, xác minh thông tin, hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ và thực hiện các nhiệm vụ liên quan theo phân cấp, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của chính quyền địa phương cấp xã	Nội dung này Sở Y tế không tiếp thu. Lý do: Nghị quyết chỉ quy định chính sách cho các đối tượng chưa được quy định tại Nghị định. Nội dung liên quan ý kiến tham gia của xã áp dụng theo quy định hiện hành.
Sở Nội vụ, Công văn 8100/SNV-TCBC – ngày	Thống nhất dự thảo.	

Cơ quan, đơn vị góp ý	Nội dung tham gia góp ý của các cơ quan	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Y tế
19/10/2026		
Văn phòng UBND, Công văn số 1889/VPUBND PVHCC ngày 26/10/2026	Qua thời gian đăng tải lấy ý kiến, Ban Biên tập Cổng Thông tin điện tử tỉnh không nhận được ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với các dự thảo nêu trên thông qua Cổng Thông tin điện tử tỉnh.	
Có 87 UBND xã/phường thống nhất dự thảo: Bàu Cạn, Tuy Phước, Diên Hồng, Vạn Đức, Sơn Lang, Ia Rbol, Hội Phú, Kông Bơ La, Ia Tul, Ayun, Chư Prông, Quy Nhơn Nam, Ia Rsai, Ngô Mây, Chơ Long, Ia Hiao, Ia Chia, An Nhơn Tây, Đăk Song, Phù Cát, Ya Ma, Ayun Pa, Ia Băng, Ân Hảo, SRó, Hra, Ia Grai, Ia Ly, Đak Pơ, Chư Pưh, An Toàn, Quy Nhơn Tây, Vĩnh Sơn, Ia Pia, An Vinh, Quy Nhơn Đông, Bồng Sơn, Phú Túc, Chư A Thai, Tơ Tung, Chư Krey, Bình Phú, Tây Sơn, Ia Dreh, Uar, Ya Hội, Ia Nan, Ia Púch, Phù Mỹ Đông, Ia Ko, Hòa Hội, Al Bá, Pleiku, An Nhơn Bắc, Ia Dom, Canh Liên, Đak Đoa, Vĩnh Thịnh, Ia Le, Kon Chiêng, Hoài Nhơn Tây, Ia Phí, Phù Mỹ, Biển Hồ, Kon Gang, An Bình, Canh Vinh, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Cửu An, Ia Pnôn, Hoài Ân, Bình Dương, Ia Lâu, An Lão, An Hòa, Xuân An, Gào, Hoài Nhơn Nam, Đak Rong, An Khê, Phú Thiện, Ia Mơ, An Nhơn Đông, Ia Krái, Tuy Phước Bắc, Kông Chro.		